TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/**2023/HNGĐ - ST
Ngày: 03-11-2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Phúc**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Dư Công Thử**
2. Ông **Lưu Hoàng Mẫn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng Y**, sinh năm: 1987; HKTT: Tổ E, phường Y, TP P, tỉnh G; Địa chỉ hiện tại: 126, khu phố A, H, phường P, Quận G, thành phố H.

Bị đơn: Anh **Phan Hữu Q**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số nhà B, xóm F, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh L.

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2023 và bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Y trình bày: Chị và anh Phan Hữu Q tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống kết hôn năm 2019. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 10/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra bất hòa, cãi nhau thường xuyên, dần dần có khoảng cách, không

còn sự chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2021 đến nay không liên lạc, không quan tâm nhau và không còn tình cảm với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Q.

Bị đơn anh Phan Hữu Q tại bản tự khai ngày 02/10/2023 trình bày: Anh và chị Trần Thị Hồng Y tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống kết hôn năm 2019. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã K, huyện Đ, tỉnh L. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về vấn đề tiền bạc và chi tiêu không đủ nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi. Chị Y đã bỏ đi khỏi nhà từ năm 2021. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2021 đến nay không liên lạc, không quan tâm nhau và không còn tình cảm với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung:

Chị Trần Thị Hồng Y và anh Phan Hữu Q đều xác nhận vợ chồng không có con chung

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Trần Thị Hồng Y và anh Phan Hữu Q đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Chị Trần Thị Hồng Y có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị Trần Thị Hồng Y và anh Phan Hữu Q đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; Các đương sự chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Hồng Y và anh Phan Hữu Q được ly hôn; Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng Y và anh Phan Hữu Q. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Y và anh Q đã được UBND xã K, huyện Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 10/7/2019, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Q là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Y và anh Q đều xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Phía chị Y cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra bất hòa, cãi nhau thường xuyên, dần dần có khoảng cách, không còn sự chăm sóc lẫn nhau. Phía anh Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng về vấn đề tiền bạc và tiền chi tiêu trong gia đình không đủ nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi. Chị Y và anh Q đều xác nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay không liên lạc, không quan tâm nhau, mặc ai nấy sống.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh Q là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Y yêu cầu được ly hôn, phía anh Q cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, cho chị Y và anh Q được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Y và anh Q đều xác nhận vợ chồng không có con chung nên không đề cập.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh Q đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Q không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 55, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 207, 220, 227, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Y đối với bị đơn anh Phan Hữu Q.

Cho chị Trần Thị Hồng Y và anh Phan Hữu Q được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh L chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3.Về án phí: Buộc chị Trần Thị Hồng Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Y đã nộp theo biên lai thu số 0013755 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị Y đã nộp đủ án phí. Anh Phan Hữu Q không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phúc